



fáng dàn yī

防弹衣

noun · bulletproof vest

Example Sentences

jǐng chá chuān zhe fáng dàn yī
警察穿着防弹衣。

The police officer is wearing a bulletproof vest.

zhè zhǒng fáng dàn yī hěn qīng biàn
这种防弹衣很轻便。

This type of bulletproof vest is very lightweight.

Trace each character, then write the word on your own.

防	防	防	防	防	防	防	防	防		
弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹	弹
弹	弹	弹								
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		